TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Tuấn

2. Ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 581/2018/TLST-DS ngày 28/12/2018 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-DS ngày 25/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-DS ngày 16/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hà Nguyên P, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Nguyễn Tấn C, sinh năm: 1988.

Bà Trần Thị Ánh X, sinh năm: 1991

Cùng địa chỉ: Số 17/20 đường T, khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn - Bà Nguyễn Hà Nguyên P trình bày:

Vào ngày 26/9/2018, vợ chồng ông Trương Nguyễn Tấn C và Trần Thị Ánh X có vay của bà số tiền: 60.000.000 đồng. Sau đó 03 ngày, tức là ngày 29/9/2018, vợ chồng ông C, bà X vay thêm 30.000.000 đồng để về tu bổ xe tải, mua vỏ xe và làm dàn cửa nhà ở. Tổng cộng 02 lần vay tiền là: 90.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy mượn tiền, vợ chồng ông C, bà X ký nhận 02 lần. Tại Giấy mượn tiền ngày

26/9/2018, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là: 03 tháng, không thỏa thuận tiền lãi. Vợ chồng ông C, bà X cam kết trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 26/9/2018 sẽ trả lại cho bà toàn bộ nợ gốc. Từ đó cho tới nay, vợ chồng ông C, bà X không trả tiền gốc cho bà. Mặc dù bà đã nhiều lần liên hệ nhưng vợ chồng ông C, bà X vẫn cố tình lẫn tránh, không trả nợ. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông C, bà X phải trả cho bà số tiền nợ gốc đã vay là: 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Bà không yêu cầu vợ chồng ông C, bà X trả tiền lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn là vợ chồng ông Trương Nguyễn Tấn C và bà Trần Thị Ánh X: Mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, còn bị đơn thì không chấp hành. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hà Nguyên P là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P. Buộc vợ chồng ông C, bà X phải trả cho bà P số tiền nợ gốc đã vay là: 90.000.000 đồng. Buộc vợ chồng ông C, bà X phải có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Hà Nguyên P khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà X phải trả số tiền nợ gốc đã vay là: 90.000.000 đồng. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vợ chồng ông C, bà X có địa chỉ cư trú tại: Khu phố 10, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Nay chuyển về sinh sống tại số 17/20 đường T, khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

Nhưng vợ chồng ông C, bà X đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ lần thứ hai để vợ chồng ông C, bà X tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng cả hai người đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ, vợ chồng ông C, bà X đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 6, 72, 91, 96, 199 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hà Nguyên P về việc yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông C, bà X phải trả số tiền nợ gốc đã vay là: 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).*

Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Giữa bà P và vợ chồng ông C, bà X có xác lập hợp đồng vay tài sản, thể hiện bằng "Giấy mượn tiền ngày 26/9/2018". Giao dịch giữa bà P và vợ chồng ông C, bà X dựa trên tinh thần tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử nhận định: Đây là giao dịch dân sự hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên.

Bà P yêu cầu vợ chồng ông C, bà X phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà khoản tiền nợ gốc đã vay là: 90.000.000 đồng. Tính đến ngày 30/5/2019 là ngày xét xử sơ thẩm, thì khoản nợ vay đã quá hạn. Do vợ chồng ông C, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Vì vậy, bà P có quyền khởi kiện và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo việc thu hồi nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là vợ chồng ông C, bà X đều vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà bà P đã cung cấp cho Tòa án, cũng như căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của bà P là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ.

[2.2] Về tiền lãi của số tiền nợ gốc: Do bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí: Vợ chồng ông C, bà X phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Hà Nguyên P được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hà Nguyên P.

2. Buộc vợ chồng ông Trương Nguyễn Tấn C và bà Trần Thị Ánh X phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Hà Nguyên P số tiền nợ gốc đã vay là: 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Trương Nguyễn Tấn C và bà Trần Thị Ánh X phải có nghĩa vụ liên đới chịu: 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Hà Nguyên P số tiền: 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0017846 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Xuân